

Notes du mont Royal

www.notesdumontroyal.com

Cette œuvre est hébergée sur «*Notes du mont Royal*» dans le cadre d'un exposé gratuit sur la littérature.

SOURCE DU DOCUMENT

Saigonline

征婦吟曲
CHINH PHỤ NGÂM KHÚC

Đoàn Thị Điểm

Femme de Guerrier
(*élégie*)

Traduit en Français
par
Tuần Lý Huỳnh Khắc Dụng

TIỂU SỬ

Nữ Sĩ Đoàn Thị Điểm (段氏點) Sinh năm 1705 tại Làng Giai Phạm, Huyện Văn Giang, xứ Kinh Bắc (nay là Tỉnh Bắc Ninh) mất năm 1748 tại Tỉnh Nghệ An. Bà có tài, có sắc, thông minh từ nhỏ, học vấn uyên bác, viết nhiều tác phẩm bằng chữ Hán và chữ Nôm. Tác phẩm nổi tiếng nhất của bà là bản dịch Chinh Phụ Ngâm (Khúc ngâm của người vợ có chồng đi chiến trận). Khúc ngâm này nguyên tác bằng chữ Hán của Nhà Thơ Đặng Trần Côn (1715-1750) quán làng Nhâm Mục (làng Mọc) thuộc Kinh Thành Thăng Long.

Đặng Trần Côn viết Chinh Phụ Ngâm để ghi nhận một hiện thực lịch sử của đất nước. Trải bao thế kỷ, dân tộc ta phải đương đầu chống giặc ngoại xâm, trai tráng trong nước phải tòng quân giết giặc, những người phụ nữ phải đảm nhiệm công việc gia đình, đồng ruộng. Và kiên trì chờ đợi ngày về của người lính chiến. Tình trạng ấy cũng diễn ra trong đời sống của tác giả và dịch giả là thời Trịnh Nguyễn phân tranh, nạn binh hỏa liên miên không dứt.

Dịch Chinh Phụ Ngâm từ thơ chữ Hán sang thơ tiếng Việt, Đoàn Thị Điểm không làm công việc chuyển dịch bình thường. Bà đã tạo nên một công trình văn học dịch có giá trị cao, không những sát với nguyên tác mà có phần còn vượt nguyên tác. Tâm tư và cảnh ngộ của bà giống hệt tâm tư cảnh ngộ của người vợ trong khúc ngâm. Vì vậy, tuy là dịch thơ mà bà đã “dịch” chính đời mình ra thơ:

Khách má hồng nhiều nổi truan chuyên

Đời bà vất vả thế. Ba mươi tám tuổi lấy chồng (ông Tiến Sĩ Nguyễn Kiều). Lấy chồng được một tháng, chồng đi sứ ba năm. Cảnh tiễn biệt:

Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy

Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu

Ngàn dâu xanh ngắt một màu

Lòng chàng ý thiếp, ai rầu hơn ai ?

Chồng đi vắng, vợ ở nhà vừa làm nhiệm vụ con trai nuôi mẹ vừa làm nhiệm vụ người cha dạy con:

Ngọt bùi thiếp đã hiếu nam

Dạy con đèn sách, thiếp làm phụ thân

Nay một thân nuôi già dạy trẻ

Nổi quan hoài mang mẽ xiết bao

Sau thời gian đi sứ, ông Nguyễn Kiều về. Sum họp chẳng được bao lâu, ông được lệnh vào trị nhậm ở Nghệ An. Bà đi cùng với ông. Mới vào đến Nghệ An, chẳng may bà bị bệnh, mất đột ngột, không thực hiện được câu thơ:

Liên ngâm, đối ẩm đời phen

Cùng chàng lại kết mối duyên đến già
Cho bỏ lúc sầu xa cách nhớ
Giữ gìn nhau vui thúở thanh bình

Đoàn Thị Điểm cùng với Bà Huyện Thanh Quan và Hồ Xuân Hương là ba nhà thơ nữ kiệt xuất trong văn học Việt Nam xưa, góp phần làm vẻ vang cho văn học Việt Nam nói chung và văn học nữ giới Việt Nam nói riêng. Bản dịch Chinh Phụ Ngâm của Đoàn Thị Điểm đã phổ biến sâu rộng, được rất nhiều người yêu thích và ngâm nga truyền miệng như văn học dân gian.

Trần Lê Văn

ĐỘNG BINH LEVÉE GÉNÉRALE

**1. Thuở trời đất nổi cơn gió bụi,
Khách má hồng nhiều nỗi truân chiên.
Xanh kia thăm thẳm từng trên,
Vì ai gây dựng cho nên nỗi này ?**

Lorsque la guerre éclate, fait du Créateur,
Le sexe aux joues roses souffre mille misères.
O Ciel bleu ! Qui en êtes témoin, de là-haut,
Qui a été cause de cet état de choses ?

**5. Trống Trường Thành long lay bóng nguyệt,
Khói Cam Toàn mờ mịt thức mây.
Chín lần gươm báu chống tay,
Nửa đêm truyền hịch định ngày xuất chinh.**

De Trường Thành le tam-tam a secoué la lune,
La fumée, à Cam Toàn, a voilé les nuages.
L'empereur se leva, la main sur son épée,
Proclama l'état de guerre et, en pleine nuit,
Ordonna d'envoyer une armée sur le front.

**9. Nước thanh bình ba trăm năm cũ,
Áo nhung trao quan vũ từ đây.
Sứ trời sớm giục đường mây,
Phép công là trọng, niềm tây sá nào.**

C'en est bien fini, cette paix de trois cents ans !
Désormais l'officier reprendra l'uniforme.
Voici, dès matines, l'envoyé impérial
Exhortant les soldats vers la route glorieuse.
Devant l'importance des affaires d'État
La souffrance privée ne compte que bien peu.

PHÚT LY BIỆT LES ADIEUX

**13. Đường giông ruỗi lưng đeo cung tiễn,
Buổi tiễn đưa lòng bận thê noa.
Bóng cờ tiếng trống xa xa,
Sầu lên ngọn ải, oán ra cửa phòng.**

En hâte l'on s'apprête, arcs et flèches au flanc,
A l'instant des adieux, la femme et les enfants
Sont autant d'entraves dont se meurtrit le cœur.
Les drapeaux flottent et le tambour gronde au loin.
La douleur des partants vers les pics de frontière
Égale la rancœur qui s'exhale des chambres.

**20. Chàng tuổi trẻ vốn dòng hào kiệt,
Xếp bút nghiên theo việc đao cung.
Thành liền mong hiển bệ rồng,
Thước gươm đã quyết chẳng dung giặc trời.**

Descendant de héros, il était encore jeune.
Il a délaissé le pinceau et l'écritoire
Et choisi le métier de l'épée et de l'arc,
Ambitionnant d'offrir au domaine du Trône
Un chaînon de bastions. Sa lame infaillible
Ne pardonnera pas aux contempteurs du Ciel.

**21. Chí làm trai dậm nghìn da ngựa,
Gieo Thái Sơn 泰山 nhẹ tựa hồng mao.
Giã nhà đeo bức chiến bào,
Thét roi cầu Vị, ào ào gió thu.**

Tout noble chevalier aspire, n'est-ce pas ?
A l'honneur de périr très loin de son foyer,
N'ayant pour tout linceul qu'une peau de cheval.
Pour lui, la vie parfois a le poids du Thái Sơn,
Mais quelquefois aussi, il la conçoit légère
Comme de l'oiseau hòng le très léger duvet.
Vous aussi, vous partez, endossant la cuirasse
De dessus le pont Vị, la cravache claquant
Impétueuse au milieu des bourrasques d'automne.

**25. Ngòi đầu cầu nước trong như lọc,
Đường bên cầu cỏ mọc còn non.
Đưa chàng, lòng đặc đặc buồn,
Bộ khôn bằng ngựa, thủy khôn bằng thuyền.**

Un ruisseau, sous le pont coulait, comme filtré,
Un sentier, près du pont, était vert d'herbe tendre.

En vous accompagnant j'avais le cœur bien triste.
Que ne suis-je, sur terre, votre beau coursier,
Et sur eau que ne suis-je la nef qui vous porte !

**29. Nước có chảy mà phiền chẳng rã,
Cỏ có thơm, mà dạ chẳng khuây.
Nhủ rồi nhủ, lại cầm tay,
Bước đi một bước, giây giây lại dừng.**

L'onde coulait certes, mais ne diluait ma peine,
L'herbe embaumait certes, mais n'apaisait mon cœur.
Ponctuant nos serments, nous nous serrions la main,
Et nous nous arrêtions à chacun de nos pas.

**33. Lòng thiếp tựa bóng trăng theo dõi,
Dạ chàng xa tìm cỏi Thiên Sơn 天山.
Múa gươm rượt tiễn chưa tàn,
Chỉ ngang ngọn giáo vào ngàn hang beo.**

Mon cœur vous poursuit à l'instar de la lune
Tandis que votre esprit voguait vers le Thiên Sơn.
Lâchant le vin d'adieu et dégainant de suite,
Vous pointâtes la lance vers l'antre des fauves.

**37. Săn Lâu Lan, rằng theo Giới Tử,
Dẹp Man Khê, bàn sự Phục Ba.
Áo chàng đỏ tựa ráng pha,
Ngựa chàng sắc trắng như là tuyết in.**

Vous suivriez, dites-vous, l'exemple de Giới Tử
Pourchassant les Lâu Lan et, quand il s'agirait
D'écraser les Man Khê, ces hordes d'insoumis,
Vous utiliseriez les ruses de Phục Ba.
Votre cuirasse avait la pourpre des nuages
Et l'on eût dit de neige votre blanc coursier.

**41. Tiếng lạc ngựa lần chen tiếng trống,
Giáp mặt rồi phút bỗng chia tay
Hà lương chia rẽ đường này,
Bên đường, trông lá cờ bay ngùi ngùi.**

Tintements de grelots, roulements de tambours
S'entremêlaient peu à peu dans un long vacarme.
Après nous être vus, il fallait nous quitter.
Le pont de Hà était l'endroit de nos adieux.
Restée au bord de la route, je regardais,

Palpitante d'émoi, ces drapeaux ondoyants.

**45. Xa trước đã gần ngoài doanh Liễu
Ky sau còn khuất nẻo Tràng Dương.
Quân đưa chàng ruổi lên đường,
Liễu dương biết thiệp đoạn trường này chẳng ?**

L'avant-garde déjà arrivait à Tể Liễu
Mais les cavaliers étaient encore à Tràng Dương.
Puis enfin, à son tour, s'ébranlait votre escorte.
Sentiez-vous, ô saule ! Ma suprême douleur ?

**49. Tiếng địch trôi nghe chùng đồng vọng,
Hàng cờ bay trông bóng phát phơ.
Dấu chàng theo lớp mây đưa,
Thiếp nhìn rặng núi ngân ngơ nổi nhà.**

Je perçois faiblement les sons lointains des flûtes,
Et je vois s'en aller les rangées d'étendards.
Vous voici qui partez, escorté des nuages...
Je regarde, troublée, ce chaînon de montagnes
En pensant tristement aux devoirs qui m'attendent.

**53. Chàng thì đi cõi xa mưa gió,
Thiếp thì về buồng cũ chiếu chăn.
Đoái trông theo đã cách ngăn,
Tuôn màu mây biếc, trải ngàn núi xanh.**

Au loin vous partez, exposé aux pluies et vents,
Je vais retourner, moi, dans notre chambre d'hier
Où je retrouverai nattes et couvertures !
Vainement, du regard nous cherchons à nous voir:
Des nuages bleutés et de vertes montagnes !

**57. Chốn Hàm Dương chàng còn ngoảnh lại,
Ngác Tiêu Tương thiếp hãy trông sang.
Khói Tiêu Tương cách Hàm Dương,
Cây Hàm Dương cách Tiêu Tương mấy trùng.**

Vers Hàm Dương où je suis vous retourneriez-vous ?
Vers la rive Tiêu Tương je pointe mon regard.
Les fumées de Tiêu Tương sont si loin de Hàm Dương!
Les arbres de Hàm Dương sont si loin de Tiêu Tương!

**61. Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy,
Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu.
Ngàn dâu xanh ngắt một màu,
Lòng chàng, ý thiếp, ai sầu hơn ai ?**

Nous nous cherchons des yeux sans plus nous distinguer.
Ce ne sont, entre nous, que des champs de mûriers,
Et encore, et toujours, des champs verts de mûriers !
Et ces champs de mûriers sont d'un vert monotone....
Ah ! Vous dans votre cœur et moi dans ma pensée,
Qui de nous, croyez-vous, souffrira plus que l'autre ?

CHÍCH BÓNG SEULE

**65. Chàng từ đi vào nơi gió cát,
Đêm trăng này nghỉ mắt phương nao ?
Xưa nay chiến địa đường bao,
Nội không muôn dặm xiết bao dải dầu.**

Depuis qu'il est allé sur le champ de bataille,
Où a-t-il pu camper, sous ce beau clair de lune ?
De tout temps, je le sais, les lieux où l'on se bat
Sont d'immenses déserts et combien désolés !

**69. Hơi gió lạnh, người râu mặt dạn,
Dòng nước sâu, ngựa nản chân bon.
Ôm yên gối trống đã chôn,
Nằm vùng cát trắng, ngủ cồn rêu xanh.**

La bise y dessèche la face des guerriers.
De franchir des ravines les chevaux sont las.
Ces pauvres cavaliers couchent sur leur harnois,
Ayant un tambourin en guise d'oreiller,
Ou sur du sable blanc, ou sur la mousse verte.

**73. Nay Hán xuống Bạch Thành đóng lại,
Mai Hồ vào Thanh Hải dòm qua.
Hình khe, thế núi gần xa,
Dứt thôi lại nói, thấp đà lại cao.**

Un jour, ce sont les Hán qui campent à Bạch Đằng,
Un autre jour, les Hồ qui épient à Thanh Hải.
Ici, ruisseaux méandreux, là-bas, sommets abrupts,
Se coupant, se reliant, descendant ou montant.

**77. Sương đầu núi buổi chiều như giội,
Nước lòng khe nẻo lội còn sâu.
Nào người áo giáp bấy lâu,
Lòng quê qua đó mặt sàu chẳng khuây.**

La neige des cimes, le soir, croule en cascade,
Le lit des torrents et ravines est profond .
Que je plains ceux qui, depuis lors, portent cuirasse !
Et dont la nostalgie, en ces lieux, éveillée,
Imprime sur leur traits une indicible angoisse !

**81. Trên trướng gấm thêu hay chằng nhẽ,
Trạng chinh phu ai vẽ cho nên ?
Tưởng chàng giống ruổi mấy niên,
Chẳng nơi Hãn Hải thì miền Tiêu Quan.**

Le sait-on, du haut des tentures de brocart ?
Le facies des guerriers, qui saurait bien le peindre ?
Mon époux a couru depuis nombre d'années.
Il doit être à Hãn Hải s'il n'est pas à Tiêu Quan.

**85. Đã trác trở đòi ngàn xà hổ,
Lại lạnh lòng những chỗ sương phong.
Lên cao trông thức mây lồng,
Lòng nào là chẳng động lòng bi thương !**

Non seulement engagé dans de graves périls,
Il doit souffrir du froid, sous la neige et le vent.
Sur le haut d'un sommet où planent des nuages,
Quel est le cœur humain qui ne s'étreint d'angoisse ?

**89. Chàng từ sang Đông Nam khơi nẻo,
Biết nay chàng tiến thảo nơi đâu ?
Những người chinh chiến bấy lâu,
Nhẹ xem tính mệnh như màu cỏ cây.**

Depuis qu'il est parti vers le lointain sud-est,
J'ignore à quel endroit il combat l'ennemi.
De tout temps les guerriers considèrent leur vie
Avec le même dédain qu'il le font d'un fétu.

**93. Nức hơi mạnh, ơn dày từ trước,
Trái chốn nghèo, tuổi được bao nhiêu ?
Non Kỳ quạnh quẽ trắng treo,
Bến Phì gió thổi hiu hiu mấy gò.**

Ils paient de leur vigueur les grands bienfaits reçus.
En perpétuel danger, leur vie est éphémère.
La lune pend au haut du mont Kỳ solitaire.
De la berge du Phì arrive un vent plaintif
Qui murmure au-dessus de sombres monticules.

**97. Hồn tử sĩ gió ù ù thổi,
Mặt chinh phu trắng dãi dãi soi.
Chinh phu tử sĩ mấy người,
Nào ai mặc mặt, nào ai gọi hồn.**

L'âme des trépassés est ce vent mugissant,
Et cette lune qui luit avec insistance
Joue sur le visage des maris combattants.
Ô maris combattants ! Ô soldats trépassés !
Combien pouvez-vous être sur le champ d'honneur ?
A-t-on jamais encore dépeint vos visages ?
A-t-on jamais encore évoqué vos mânes ?

**101. Dấu binh lửa, nước non như cũ,
Kẻ hành nhân qua đó chạnh thương.
Phận trai già ruỗi chiến trường,
Chàng Siêu tóc đã điểm sương mới về.**

La guerre a de son sceau marqué nos eaux et monts
Qu'un passant ne saurait contempler sans pitié...
Un homme doit passer sa jeunesse sur le front.
Ban Siêu en retourna, les cheveux grisonnants.

**105. Tướng chàng trai nhiều bề nắng nỏ,
Ba thước gươm, một cỗ nhung yên.
Xông pha gió bãi trắng ngàn,
Tên reo đầu ngựa, giáo lan mặt thành.**

Je vous vois, mon époux, plein d'efforts et de peines,
Mettant sabre au clair, campé sur le harnois,
Vous jetant en avant, fendant les ouragans,
A travers monts et bois baignés de lune claire.
Les flèches qui sifflent devant votre cheval
Ne vous arrêtent pas: vous montez à l'assaut
D'un fort au moyen d'échelles improvisées.

**109. Áng công danh trăm đường rộn rã,
Những nhọc nhằn nào đã nghỉ ngơi.
Nỗi lòng biết tỏ cùng ai,
Thiếp trong cánh cửa, chàng ngoài chơn mây.**

Recherchant la gloire au milieu de mille peines,
Quoique fatigué, vous oubliez le repos.
A qui peut-on confier le secret de son cœur ?
Moi, derrière ma porte et vous, à l'horizon !

113. Trong cửa này đã đành phận thiếp,

**Ngoài mây kia há kiếp chàng vay ?
Những mong cá nước sum vầy,
Ai ngờ đôi ngả nước mây cách vời.**

Je comprends qu'à mon sort, ici, je me résigne,
Mais vous ? Êtes-vous né pour vivre à l'horizon ?
J'espérais l'union du poisson et des eaux,
J'étais loin de croire à notre séparation
Pareille à celle des nuages et des eaux.

**117. Thiếp chẳng tưởng ra người chinh phụ,
Chàng há từng học lũ vương tôn.
Cớ sao cách trở nước non,
Khiến người thôi sớm thời hôm những buồn.**

Point je n'eusse cru être femme de guerrier,
Vous n'avez, — que je sache, — imité les vusong tôn.
Alors, pourquoi ces eaux et ces monts entre nous ?
Pour désoler sans cesse nos matins et nos soirs ?

**121. Phết phong lưu đương chừng niên thiếu,
Sánh nhau cùng dan díu chữ duyên.
Nữ nào đôi lứa thiếu niên,
Quan sơn để cách, hàn huyên bao đành.**

Si distingués, si pleins de jeunesse, nous formions
Un couple bien assorti désigné par le sort.
Comment a-t-on le cœur de placer monts et passes
Entre époux si jeunes aimant se raconter ?

**125. Thuở lâm hành oanh chưa bén liễu,
Hỏi ngày về, ước nẻo quyên ca.
Nay quyên đã giục oanh già,
Ý nhi lại gáy trước nhà líu lo.**

Lors de votre départ, le tout jeune loriot
Ne venait pas encore sur les branches du saule.
Questionné sur le jour où vous comptiez rentrer,
"Peut-être aux premiers chants du coucou", dites-vous.
Le coucou a chanté, le loriot a vieilli,
Et devant la maison pépient les hirondelles.

**129. Thuở đặng đồ, mai chưa dọn gió,
Hỏi ngày về, chỉ độ đào bông.
Nay đào đã quyên gió Đông,
Tuyết mai trắng bãi, phù dung đỏ bờ.**

Lors de votre départ, les beaux abricotiers
Ignoraient encore les baisers du vent d'est.
Questionné sur le jour où vous comptiez rentrer,
"Au moment, -- dites-vous, -- des pêchers reflouris."
Depuis lors, les pêchers ont séduit le vent d'Est
Les fleurs d'abricotiers, jonché le blanc rivage,
Et les ketmies roses, empourpré les deux bords.

**133. Hẹn cùng ta: Lũng Tây nham ấy,
Sớm đã trông, nào thấy hơi tăm ?
Ngập ngừng, lá rụng cành trâm,
Thôn trưa nghe dậy tiếng cầm xô xao.**

Vous m'avez appelée vers le mont de Lũng Tây
J'ai attendu en vain toute une matinée:
Vous n'êtes point venu. Autour de mon épingle
Des feuilles détachées voltigeaient lentement.
Seuls, les oiseaux troublaient le calme du village.

**137. Hẹn nơi nao ? Hán Dương cầu nọ,
Chiều lại tìm, nào có tiêu hao ?
Ngập ngừng gió thổi áo bào,
Bãi hôm tuôn dấy nước trào mênh mông.**

Puis, à un certain lieu, sur le pont de Hán Dương,
Vous m'avez dit un jour de venir vous trouver.
J'y suis allée le soir: de vous, aucune trace !
Un zéphyr indécis caressait ma tunique
Alors que la marée inondait le rivage.

**141. Tin thường lại, người không thấy lại,
Hoa dương tàn đã trải rêu xanh.
Rêu xanh mấy lớp chung quanh,
Sân đi một bước, trăm tình ngần ngại.**

Je lui ai souvent écrit, il ne revient point.
Les fleurs du tremble jonchent la mousse verte.
Tout autour, que de couches de verte mousse !
Chaque pas que je fais sur ce tapis moelleux
Me rappelle un à un de troublants souvenirs.

**145. Thơ thường tới, người chưa thấy tới,
Bức rèm thưa lãn dải bóng dương.
Bóng dương mấy buổi xuyên ngang,
Lời sao mười hẹn, chín thường đơn sai.**

J'ai eu des messages mais il ne revient pas.

Mes stores ajourées tamisent le soleil.
Que de fois le soleil s'est couché, que de fois !
Pourquoi neuf fois sur dix manque-t-il de parole ?

**149. Thử tính lại diễn khơi ngày ấy,
Tiền sen này đã nẩy là ba.
Xót người lần lựa ái xa,
Xót người nương chốn hoàng hoa dặm dài.**

Voyons, comptons un peu: depuis qu'il est parti,
Ces lotus en sapèques ont trois fois repoussé.
Je plains ceux qui traînent dans des postes lointains,
Ceux que retient là-bas leur devoir militaire,
A l'époque où fleurit le jaune chrysanthème.

**153. Tình gia thất nào ai chẳng có,
Kia lão thân, khuê phụ nhớ thương.
Mẹ già phơ phất mái sương,
Con thơ mắng sữa vả đương phù trì.**

D'attaches familiales nul n'est affranchi.
Voici les vieux parents, voici la jeune épouse
Que l'amour réunit dans la même pensée.
Vous avez une mère à la tête chenue
Et un poupon au sein, qui exige des soins.

**157. Lòng lão thân buồn khi tựa cửa,
Miệng hài nhi chờ bữa mớm cơm.
Ngọt bùi, thiếp đỡ hiếu nam,
Dạy con đèn sách, thiếp làm phụ thân.**

Votre mère est triste, sur le seuil elle attend.
Votre enfant bouche bée réclame sa béquée.
Je la sers, notre mère, à l'instar d'un bon fils
Et j'enseigne l'enfant, lui tenant lieu de père.

**161. Nay một thân nuôi già dạy trẻ,
Nỗi quan hoài mang mẽ biết bao !
Nhớ chàng trai mấy sương sao,
Xuân từng đổi mới, Đông nào còn dư.**

Je suis seule à choyer la vieillesse de mère,
Je suis seule à donner l'instruction au petit.
Mon chagrin intime me pèse sur le cœur.
Depuis nombre d'années ma pensée vous poursuit.
Des printemps et hivers se sont renouvelés.

**165. Kể năm đã ba tư cách diễn,
Mỗi sàu thêm ngàn vạn ngón ngang.
Ước gì gài gủi tác gang,
Giải niềm cay đắng để chàng tỏ hay.**

Nous vivons séparés depuis trois ou quatre ans,
Ma souffrance ressemble à un long écheveau
Qu'embrouillent des milliers et des milliers de nœuds.
Ah ! Si je pouvais être à un empan de vous,
J'épancherais mon cœur pour que de mon chagrin
Vous puissiez concevoir le piquant et l'amer.

**169. Thoa cung Hán của ngày xuất giá,
Gương lầu Tần dấu đã soi chung.
Cậy ai mà gởi tới cùng,
Để chàng thấu hết tấm lòng tương tư.**

Cette épingle à cheveux de l'époque des Hán
Que vous m'aviez donnée le jour de mon mariage,
Et ce miroir des Tần, gardien de nos images,
Qui pourrais-je charger de vous les remettre,
Pour que vous pénétriez le chagrin de mon cœur ?

**173. Nhẫn đeo tay mọi khi ngắm nghĩa,
Ngọc cài đầu thuở bé vui chơi.
Cậy ai mà gởi tới nơi,
Để chàng trân trọng dấu người tương thân.**

J'ai encore au doigt l'anneau que j'aime tant
Et la broche en jade du temps de mon enfance,
Qui pourrais-je prier de vous les apporter
Pour que d'un être cher le souvenir vous reste ?

**177. Trái mây xuân, tin đi tin lại,
Tới xuân này tin hãy vắng không.
Thấy nhận, luống tưởng thư phong,
Nghe sương, luống sắm áo bông sẵn sàng.**

Pendant plusieurs années nous nous sommes écrit,
Pourquoi cette année-ci, n'ai-je plus de nouvelles ?
L'arrivée des oies me fait espérer un mot...
Sentant le gel, je taille un habit ouaté.

**181. Gió Tây nổi, không đường hồng tiện,
Xót cõi ngoài tuyết quyền mưa sa.
Màn mưa trướng tuyết xông pha,
Nghĩ thêm lạnh lẽo kẻ ra cõi ngoài.**

Le vent d'ouest se lève et l'oie ne peut venir.
Mon cœur se serre fort quand je pense aux contrées
Que barbouille la neige et qu'inondent les pluies.
Bravant rideaux de pluie et tentures de neige,
Ceux qui vont ainsi à l'extérieur du pays
Endurent vaillamment la froidure inclémente.

**185. ĐỀ CHỮ GẮM, phong thối lại mở,
Gieo bói tiền tin dở còn ngờ
Trời hôm đứng lặng ngẩn ngơ,
Trăng khuya nương gối bơ thờ gió mai.**

J'ai brodé un brocart, je l'enroule et le rouvre.
Je consulte le sort en semant les sapèques:
C'est une malchance ! Je n'en crois pas mes yeux.
Que de fois, je suis lasse à regarder mon ombre
Sous la lune tardive éclairant mon coussin,
Où repose, épuisée, ma tête échevelée !

**189. Há như ai, hồn say bóng lẫn,
Bỗng thơ thơ thần thần hư không.
Trâm cài, xiêm giắt thẹn thùng,
Lệch làn tóc rối, lỏng vòng lưng eo.**

Je ne suis ni ivre ni possédée du diable,
Et pourtant, je me sens abrutie et absente.
J'ai honte en mettant mon épingle et mon jupon:
Ma raie est de travers, et ma taille amaigrie.

**193. Đạo hiên vắng dăm chiêu từng bước,
Ngồi rèm thưa rủ thác đòi phen.
Ngoài rèm, thước chẳng mách tin,
Trong rèm, dường đã có đèn biết chẳng ?**

Dans les couloirs déserts je marche en titubant
Et, près des stores que souvent j'enroule et baisse
Je reste assise longtemps quand le soir descend.
Au-delà, la pie ne porte aucune nouvelle,
En deçà, ô lampe ! Comprends-tu seulement ?

**197. Đèn có biết, ví bằng chẳng biết,
Lòng thiếp riêng bi thiết mà thôi.
Buồn rầu nói chẳng nên lời,
Hoa đèn kia với bóng người khá thương!**

Comprendrais-tu, lampe, que tu ne pourrais rien !

Mon cœur endure seul la peine qui le mine
Et dont je ne saurais exprimer le secret.
Sont-ils à plaindre, ce lumignon et mon ombre !

**201. Gà eo óc gáy sương năm trống,
Hòe phát phơ rủ bóng bốn bên.
Khắc giờ đằng đẵng như niên,
Mỗi sâu dằng dặc như miền bể xa.**

Le chant lointain du coq dit la cinquième veille.
Le sophora tremble et penche dans tous les sens.
Que les heures sont longues comme les années,
Et ma peine infinie comme la vaste mer !

**205. Hương gương đốt hồn đà mỗi miết,
Gương gương soi, lệ kết châu chan.
Sắt cầm gương gãy ngón đàn,
Dây uyên kinh đứt, phím loan ngại chùng.**

Sans entrain, je brûle de l'encens car mon âme est lasse,
Sans entrain, je me mire et je suis toute en larmes.
Tenter de jouer du luth ou de la cithare ?
Je crains de n'en briser la corde de l'union.
Ou de n'en déranger les sillons de phénix.

**209. Lòng này gọi gió đông có tiện,
Ngàn vàng xin gọi đến non Yên.
Non Yên dầu chẳng tới miền,
Nhớ chàng thăm thẳm đường lên bằng trời.**

Si le vent d'est voulait vous répéter cela,
Pour qu'il aille au mont Yên j'offrirais mille taëls.
Mais si jusqu'au mont Yên je ne puis arriver,
Ma pensée vous poursuit, fidèle et affectueuse,
Par la route infinie qui mènerait aux cieux.

**213. Trời thăm thẳm xa vời khôn thấu,
Nỗi nhớ chàng đau đáu nào xong.
Cảnh buồn người thiết tha lòng,
Hình cây sương đượm, tiếng trùng mưa phun.**

Le Ciel est trop loin pour savoir comme je souffre
En pensant à l'absent au souvenir tenace.
La nature endeuillée afflige aussi le cœur:
Rameaux perlés de givre, insectes grouillant
Sous une pluie fine qui tombe sans arrêt.

**217. Sương như búa bổ mòn gốc liễu,
Mưa dồng cưa xẻ héo cành ngô.
Giọt sương phủ bụi chim gù,
Sâu tường kêu vắng, chuông chùa nện khơi.**

Le givre, vraie cognée, mine le pied du saule
Et la neige qui mordille comme une scie
Fend et tue peu à peu les branches des platanes.
Un manteau de rosée recouvre les buissons
Où les oiseaux frileux à petits cris s'appellent.
Quelque part dans les murs, des bestioles chuchotent.
D'un pagodon lointain arrive un son de cloche.

**221. Vài tiếng dế nguyệt lay trước ốc,
Một hàng tiêu gió thốc ngoài hiên.
Lá màn lay, ngọn gió xuyên,
Bóng hoa theo bóng nguyệt lên trước rèm.**

Quelques grillons crissent devant notre demeure
Au clair de la lune. Des bananiers s'agitent
Au-delà des vérandas sous un vent violent
Qui remue mes rideaux et devant mes stores
La lune projette l'ombre de mille fleurs.

**225. Hoa giải nguyệt, nguyệt in một tấm,
Nguyệt lồng hoa, hoa thắm từng bông.
Nguyệt hoa, hoa nguyệt trùng trùng,
Trước hoa, dưới nguyệt, trong lòng xiết đâu.**

Les fleurs baignées de lune, la lune s'y reflète.
La lune y pénétrant avive chaque fleur.
Lune et fleurs, fleurs et lune, elles sont incalculables.
Devant leur harmonie, que mon cœur est en peine !

**229. Đâu xiết kể trăm sâu ngàn nã,
Từ nữ công phụ xảo đều ngơi.
Biếng cầm kim, biếng đưa thoi,
Oanh đôi thẹn dệt, bướm đôi ngại thùa.**

Comment vous les conter, ces mille et un tourments
Qui me font négliger tous travaux féminins ?
Nulle envie de tenir l'aiguille ou la navette !
J'ai honte de tisser des couples de loriots,
J'ai honte de broder des couples de phalènes.

**233. Mặt biếng tô, miệng càng biếng nói,
Sớm lại chiều, dòm dôi nương song.**

**Nương song luống ngẩn ngơ lòng,
Vắng chàng điếm phấn trang hồng với ai ?**

Je n'ai plus envie de me farder le visage
Et encore bien moins de parler à quelqu'un.
Du matin au soir je m'appuie à ma fenêtre
Le cœur alourdi par une longue apathie.
Pour qui, en votre absence, me ferais-je belle ?

**237. Biếng trang điếm, lòng người sầu tủi,
Xót nỗi chàng, ngoài cõi trùng quan.
Khác gì ả Chức, chị Hằng,
Bén Ngân sùi sụt, cung trăng chốc mòn.**

Oui, pour qui faire toilette ? Mon cœur en peine
Est si plein de vous ! Que de passes nous séparent !
En quoi différe-je de Chức Nữ, de Hằng Nga ?
Celle-là sanglote au bord du Fleuve d'Argent
Et celle-ci soupire au Palais de la Lune.

**241. Sầu ôm nặng, ai chồng làm gối,
Muộn chứa đầy ai thổi làm cơm.
Mượn hoa, mượn rượu giải buồn,
Sầu làm rượu lạt, muộn làm hoa ôi.**

Mon chagrin infini s'empile tous les jours,
Je m'appuie là-dessus comme sur des coussins.
Mon cœur est gros d'ennui: j'en fais ma nourriture.
J'appelle à ma rescousse et la fleur et le vin:
Le vin s'affadit à cause de mon chagrin
Et la fleur s'étiole au contact de mon ennui.

**245. Gõ sanh ngọc mấy hồi không tiếng,
Ôm đàn tranh mấy phím rời tay.
Xót người hành dịch bấy nay,
Dặm dài thêm mỗi tráp đầy lại voi.**

Les claquettes de jade ne résonnent plus,
Les sillets de ma harpe tombent sous mes doigts.
Je pense au combattant que le devoir éloigne,
Que la marche épuise et dont le sac se dégonfle.

**249. Ca quyên ghẹo làm rơi nước mắt,
Trống tiêu khoa, như rút buồng gan.
Võ vàng đôi khác dung nhan,
Khuê ly mới biết tân toan đường này.**

Le chant moqueur du coucou m'arrache des larmes,
Le tam-tam des veilles me coupe les entrailles.
Tout cela me mine et a changé mon physique.
La séparation seule en apprend l'amertume.

**253. Ném chua cay tằm lòng mới tỏ,
Chua cay này há có vì ai ?
Vì chàng lệ thiếp nhỏ đôi,
Vì chàng thân thiếp lẻ loi một bề.**

Pour se comprendre assez, il faut l'épreuve amère.
Qui donc, si ce n'est vous, me l'a fait endurer ?
A cause de vous, j'ai abondamment pleuré,
Et à cause de vous, ma vie est solitaire.

**257. Thân thiếp chẳng gần kề dưới trướng,
Lệ thiếp nào chút vướng bên khăn.
Vui còn hồn mộng được gần,
Đêm đêm thường tới giang tân tìm người.**

Puisque je ne saurais être sous votre tente,
Vos mouchoirs ne seront humectés de mes larmes.
Mais en rêve, je puis venir auprès de vous.
Chaque nuit, mon esprit vous cherche sur la rive.

**261. Tìm chàng thưở Dương Đài lối cũ,
Gặp chàng nơi Tương Phố bến xưa.
Sum vầy mấy lúc tình cờ,
Chẳng qua trên gối một giờ mộng xuân.**

Vous cherchant à l'entour du Dương Đài de naguère,
Je vous trouvai un soir au bord du vieux Tương Phố.
Quel hasard nous a-t-il réunis de la sorte ?
Ce ne fut qu'une heure de beau songe d'amour !

**265. Giận thiếp thân lại không bằng mộng,
Được gần chàng bến Lũng, thành Quan.
Khi mơ những tiếc khi tàn,
Tình trong giấc mộng, muôn vàn cũng không!**

Honnie soit ma chance, qui ne vaut pas un songe !
J'ai, au moins en songe, passé d'heureux moments
Dans vos bras, aux bords du Lũng ou au fort de Quan,
Bien qu'on craigne souvent la fin d'une illusion,
Car, en somme, que vaut un grand amour en songe ?

269. Vui có một tấm lòng chẳng dứt.

**Vốn theo chàng giờ khắc nào ngời.
Lòng theo nhưng chưa thấy người,
Lên cao mấy lúc trông vờ bánh xe.**

Seul mon cœur est constant et ma pensée fidèle.
Il n'est pas de moment où je ne pense à vous
Sans vous revoir pourtant. Souvent j'ai, de l'étage,
Guetté l'apparition des roues de votre char.

**273. Trông bến Nam, bãi che mặt nước,
Cỏ biếc um, dâu mướt màu xanh.
Nhà thôn mấy xóm chông chênh,
Một đàn cò đậu trước ghềnh chiều hôm.**

Au sud je regardais: le rivage cachait
Le miroir de l'eau. L'herbe était d'un vert foncé
Et les champs de mûriers d'un beau vert chatoyant.
On voyait des hameaux aux cabanes branlantes
Et, quand tombait le soir, une bande d'iris
Venaient se poser devant les sombres falaises.

**277. Trông đường bắc, đôi chòm quán khách,
Rườm rà cây xanh ngắt núi non.
Lúa thành thoi thóp bên cồn,
Nghe thoi ngọn địch véo von bên lầu.**

Au nord je regardais: quelques rares auberges
Parmi la verdure couronnant les monts.
Le riz agonisait au pied de la cité.
Du pavillon voisin soupirait une flûte.

**281. Non đông thấy lá hầu chất đống,
Trĩ sập sòe, mai cũng bẻ bai.
Khói mù nghi ngút ngàn khơi,
Con chim bạt gió lạc loài kêu thương.**

Sur les monts de l'est où les feuilles s'entassaient
Des faisans s'envolaient des branches de pruniers
Qui brandillaient en mille gracieux mouvements.
Une brume épaisse recouvrait la forêt,
Des oiseaux égarés s'appelaient à grands cris

**285. Lũng tây chảy nước đường uốn khúc,
Nhạn bay không, sóng giục thuyền câu.
Ngàn thông chen chúc khóm lau,
Cách ghềnh thấp thoáng người đầu đi về.**

Un cours d'eau sinueux serpentait à l'ouest,
Dans les airs évoluaient des couples d'oies sauvages
Cependant que sur l'eau, entraînée par les flots,
Une barque de pêche en silence glissait.
Dans la forêt des pins des roseaux poussaient dru
Et par-delà les falaises se profilaient
Impécises, des silhouettes d'inconnus.

**289. Trông bốn bề, chân trời mặt đất,
Lên xuống lầu thắm thoát đời phen.
Lớp mây ngừng mắt khôn nhìn,
Đâu nơi chinh chiến, đâu miền Ngọc Quan ?**

Partout, il n'y avait que le ciel et la terre.
A plusieurs reprises je montais à l'étage
Puis en redescendais. Des couches de nuages
Me barraient le regard. Où donc se battent-ils ?
Où peut être la région de la Passe de Jade ?

**293. Gậy rút đất ý khôn học chước,
Khăn gieo cầu nào được thấy tiên.
Lòng này hóa đá cũng nên,
E không lệ ngọc mà lên trông lầu.**

Que ne puis-je manier la baguette d'approche
Qui défie les distances et, telle une fée,
D'une écharpe faire un pont au-dessus d'un fleuve !
Je veux bien, croyez-moi, être changée en pierre,
Mais je crains, dans ce cas, de n'avoir plus de larmes
Pour vous attendre en pleurs du haut de mon étage.

297. Lúc ngảnh lại trông màu dương liễu,
Thà khuyên chàng đừng chịu tước phong.
Chẳng hay muôn dặm ruổi giông,
Lòng chàng có cũng như lòng thiếp chẳng ?

Quand parfois j'admire le coloris des saules
Je m'en veux de ne pas vous avoir dissuadé
De l'idée d'accepter la dignité royale.
Sur la route de dix mille lieues, est-ce que
Votre cœur partage les raisons de mon cœur ?

**301. Lòng chàng ví cũng bằng như thế,
Lòng thiếp đâu dám nghĩ gần xa.
Hương dương lòng thiếp dường hoa,
Lòng chàng lẫn thân e tà bóng dương.**

Si votre cœur était au diapason du mien
Comment oserais-je avoir des ressentiments ?
Mais mon cœur est pareil à la fleur qui se penche
Vers la chaleur solaire, tandis que le vôtre
Semble peu empressé...et le soleil décline !

**305. Bóng dương để hoa vàng chẳng đỏi,
Hoa để vàng vì tại bóng dương.
Hoa vàng, hoa rụng quanh tường,
Trải xem hoa rụng đêm sương mấy lần.**

Il délaisse les fleurs qui, sans lui, se flétrissent.
Les fleurs jaunies jonchent le sol au pied des murs.
Que de fois ai-je vu de ces fleurs s'effeuiller
Et tomber, dispersées, dans la rosée des nuits !

**309. Chồi lan nọ trước sân đã hái,
Ngọn tần kia bên bãi đưa hương.
Sửa xiêm đạo bước tiền đường,
Ngửa trông xem vẽ thiên chương thần thờ.**

Les bourgeons d'orchidée de la cour sont coupés.
Une herbe aromatique embaume le rivage.
Rajustant ma robe, j'erre devant chez nous
Et contemple, troublée, les beautés de la voûte.

**313. Bóng Ngân Hán khi mờ khi tỏ,
Độ Khuê Thiên buổi có buổi không.
Thức mây đòi lúc nhật hồng,
Chuôi sao Bắc Đẩu thôi Đông lại Đoài.**

La Voie Lactée est tantôt sombre, tantôt claire,
La constellation Khuê paraît et disparaît,
Les nuages, tour à tour, pâlissent et rougeoient,
Le Boisseau du Nord va de l'est à l'ouest.

**317. Mặt trăng tỏ thường soi bên gối,
Bùng mắt trông sương gội cảnh ngô.
Lạnh lòng thay, bấy chiều thu !
Gió may hiu hắt trên đầu tường vôi.**

Souvent, le clair de lune vient sur mes coussins.
Mes yeux au réveil voient les platanes givrés.
Qu'il fait froid ! Qu'il fait froid les longs soirs de l'automne
Où la bise, en jouant, frissonne au haut des murs !

321. Một năm một lạt mùi son phấn.

**Trượng phu còn thơ thẩn miền khơi.
Xưa sao hình ảnh chẳng rời,
Bây giờ nở để cách vời Sâm Thương.**

Chaque année qui passe m'enlève un peu de charmes.
Dire que mon époux s'attarde encore au loin !
Naguère inséparables comme le corps et l'ombre,
Nous voici séparés, tels le Sâm et le Thương !

**325. Chàng giông ngựa dậm trường mây phủ,
Thiếp dạo hài lối cũ rêu in.
Gió xuân ngày một vắng tin,
Khá thương lữ hết mấy phen lương thì.**

Tandis que vous courez à cheval la longue route
Coiffée de nuages, je traîne mes sandales
Sur l'allée de jadis que la mousse recouvre.
Le vent du printemps porte de rares nouvelles.
Quel dommage de manquer tant de bons moments !

**329. Xảy nhớ khi cảnh Diêu đóa Ngụ,
Trước gió xuân vàng tía sánh nhau.
Nọ thì à Chức chàng Ngâu,
Tới trăng thu lại bắc cầu qua sông.**

Je pense à ces pivoines dorées et pourprées
Les premières de Diêu, les secondes de Ngụ,
Qui allient leurs teintes sous le vent printanier.
Je pense également aux époux Ngâu et Chức,
Réunis quand paraît le croissant de l'automne,
Sur le pont qui franchit le vieux Fleuve d'Argent.

**333. Thương một kẻ buồn không luống giữ,
Thời tiết lạnh lắm lữ xiết bao.
Thoi đưa ngày tháng ruổi mau,
Người đời thâm thoát qua màu xuân xanh.**

Je plains celle qui vit seule dans une chambre
Et à qui l'on a fait rater de bons instants.
Les jours et les mois filent comme des navettes
Et la jeunesse fuit dans l'existence humaine.

**337. Xuân thu giận để quanh ở dạ,
Hiệp ly đành buồn quá khi vui.
Oán sâu nhiều nỗi tơi bời,
Liều bỏ hầu để ép nài chiều xuân ?**

Ma colère traîne depuis nombre d'années.
Les joies de l'union sont bien moindres que les peines
De la séparation. Rancune et désespoir
Me torturent l'esprit de diverses façons.
Comment, — frêle saule et souple jonc, — pourrais-je
Demander que le temps épargne ma jeunesse ?

**341. Kia Văn Quân mỹ miều thuở trước,
E tới khi đầu bạc mà thương.
Mặt hoa nọ gã Phan Lang,
Sợ khi mái tóc điểm sương cũng ngừng.**

On cite l'exemple de la belle Văn Quân
Qui faisait peine à voir, avec ses cheveux blancs,
Et de Phan Lang, cet homme au visage de fleur,
Qu'émouvait la pensée d'une tête chenue.

**345. Nghĩ nhan sắc đương chùng hoa nở,
Tiếc quang âm lần lữa gieo qua.
Nghĩ mạng bạc, tiếc niên hoa,
Gái tơ mấy chốc mà ra nạ dòng.**

Pensant à ma beauté à peine épanouie
Je regrette les jours qui passent un à un
Et dont je ne pourrais interrompre le cours.
Quel vilain sort que le mien, et quelle jeunesse !
Hier encore fillette, bientôt vieille mère !

**349. Gác nguyệt nọ, mơ màng vẻ mặt,
Lầu hoa kia, phảng phất mùi hương.
Trách Trời sao để lỡ làng,
Thiếp rầu thiếp, lại rầu chàng, chẳng quên.**

Du haut de mon étage de lune inondé
Je vois, comme en songe, votre riant visage
Et sens, parmi les fleurs, flotter un doux parfum.
Alors, j'en veux au Ciel d'entraver notre union.
En souffrant de mon sort je souffre à votre endroit
Et, dans cette douleur, je ne puis vous oublier.

**353. Chàng chẳng thấy chim uyên ở nội,
Cũng dập dìu chẳng vội phân trương.
Lại xem chim yến trên lương,
Bạc đầu không nở đôi đường rẽ nhau.**

Ne voyez-vous jamais les canards mandarins
Qui, dans les champs, vont par couples inséparables,

Et sous la toiture, ces couples d'hirondelles
Que leurs têtes blanchies ne désunissent pas ?

**357. Kia loài sâu đôi đầu cùng sánh,
Nọ loài chim chấp cánh cùng bay.
Liều, sen là thức cỏ cây,
Đôi hoa cùng nở, đôi dây cùng liền.**

Voyez les insectes: leurs têtes se touchent.
Certains oiseaux joignent leurs ailes en volant.
Des végétaux, tels le saule et le nénuphar,
Ont des fleurs jumelées, des lianes enlacées.

**361. Ấy loài vật tình duyên còn thế,
Sao kiếp người nữ để đó đây ?
Thiếp xin về kiếp duyên này,
Như chim liền cánh, như cây liền cành.**

Ainsi les êtres sont unis dans la nature,
Pourquoi durant la vie, nous a-t-on séparés ?
Pussions-nous devenir dans notre vie future.
Des oiseaux qui joignent leurs ailes en volant
Ou des plantes qui ont leurs branches enlacées !

**365. Đành muôn kiếp chữ tình thì vậy,
Theo kiếp này hơn thấy kiếp sau.
Thiếp xin chàng chớ bạc đầu,
Thiếp thì giữ mãi lấy màu trẻ trung.**

Mais puisque, de tous temps, l'amour a des revers,
Jouissons du présent sans parler du futur.
Pussions-nous, mon maître, vous, ne jamais blanchir
Et moi, garder toujours la fleur de ma jeunesse !

HY VỌNG ESPÉRANCE

**369. Xin làm bóng theo cùng chàng vậy,
Chàng đi đâu cũng thấy thiếp bên.
Chàng nương vầng nguyệt phi nguyên,
Mọi bề trung hiếu thiếp xin vẹn tròn.**

Comment être l'ombre qui s'attache à vos pas !
Où que vous alliez, vous me verriez près de vous.
Mon cœur sera comblé tant que vous guidera
La divine clarté. Je vous laisserai donc
A votre loyalisme et à votre piété.

**373. Lòng hứa quốc tựa son ngăn ngắt,
Sức tỵ dân dường sắt trở trở.
Máu Thiên Vu, quắc Nhục Chi,
Ấy thì bữa uống, ấy thì bữa ăn.**

Faites à la patrie le don de votre vie,
Cela est aussi beau que l'éclatant cinabre,
Consacrez au peuple la force de vos bras
Résistante comme l'airain que rien ne plie.
Que le sang des Thiên Vu étanche votre soif
Et les têtes des Nhục Chi calment votre faim !

**377. Mũi đồng vác đòi lần hăm hờ,
Đã lòng Trời gìn giữ người trung.
Hộ chàng trăm trận nên công,
Buông tên ải bắc, treo cung non đoài.**

Au combat, vous bravez les épées et les lances,
Mais le Ciel, protecteur des fidèles sujets,
Vous fera remporter cent victoires glorieuses.
Les flèches seront rangées aux passes du nord
Et les arcs suspendus sur les monts de l'ouest.

**381. Bóng kỳ xí giã ngoài quan ải,
Tiếng khải ca trở lại Thần Kinh.
Non Yên khắc đá đề danh,
Triều thiên vào trước cung đình dăng công.**

Les drapeaux quitteront les zones frontières,
L'armée entonnera le chant de la victoire
Sur la route de retour vers la capitale.
Une plaque de pierre au sommet du mont Yên
Retiendra votre nom pour la postérité.
Déjà, je vous vois dans la Salle des Audiences,
Reçu par notre Roi et contant vos faits d'armes.

**385. Nước duềnh Hán vác đồng rửa sạch,
Khúc nhạc từ réo rất ngợi khen.
Tài so Tần, Hoắc vẹn tuyền,
Tên ghi gác Khói, tượng truyền đài Lân.**

A l'eau du Fleuve d'Argent on lavera les armes.
La musique des lettrés vous rendra hommage
Et vous comparera aux héros d'autrefois,
Tels que Tần et Hoắc, ces chevaliers parfaits,
Qui errent, l'un son nom au Temple des Fumées,

Et l'autre, son portrait au Palais des Licornes.

**389. Nền huân tướng đai cân rạng vẻ,
Chữ đồng huy bia đề ngàn đông.
Ởn trên tử ám thể phong,
Hiển vinh thiếp cũng đượm chung hương trời.**

Officier valeureux, vous recevrez alors
Turban et ceinturon, ces insignes glorieux.
La nation gardera pendant mille hivers
L'enivrant souvenir de sa belle victoire.
Par la grâce du Roi notre fils et moi-même
Recevrons, nous aussi, titres et dignités.
Je serai imprégnée du céleste parfum
En partageant la gloire des bienfaits d'En-Haut.

**393. Thiếp chẳng dại như người Tô Phụ,
Chàng chắc không như lũ Lạc Dương.
Khi về dấu chẳng ấn vàng,
Trên khung cửi dám rầy ruộng làm cao !**

Je ne suis pas la stupide épouse de Tô,
Vous ne cédez en rien à l'homme de Lạc Dương.
Même si vous rentrez sans les fameux sceaux d'or
Je n'oserai jamais, du haut de mon métier,
Vous montrer mon mépris et mon indifférence.

**397. Xin vì chàng xếp bào cời giáp,
Xin vì chàng giữ lớp phong sương.
Vì chàng tay chuốc chén vàng,
Vì chàng điểm phấn đeo hương nãi nùng.**

Je rangerai pour vous la robe et la cuirasse,
J'enlèverai pour vous les couches de verglas,
Pour vous je verserai du vin dans un bol d'or,
Pour vous je mettrai fard et parfum enivrants.

**401. Giở khăn lệ, chàng trông từng tấm,
Đọc thơ sầu, chàng thấm từng câu.
Câu vui đối với câu sầu,
Rượu khà cùng kể trước sau mọi lời.**

J'étalerai un à un mes mouchoirs de larmes,
Vous lirez vers par vers mes odes de souffrance
Que nous remplacerons par des vers de bonheur
En dégustant du vin, nous nous raconterons.

**405. Sẻ rót vơi lần lần từng chén,
Sẻ ca dần ren rén từng thiên.
Liên ngâm đối ẩm từng phen,
Cùng chàng lại kết mỗi duyên đến già.**

Nos coupes s'empliront au fur et à mesure,
Nos voix fredonneront strophes après strophes.
Nous chanterons chacun des poésies très douces
Et boirons du vin, l'un en face de l'autre.
Avec vous, mon amour, je pourrai renouer
Jusqu'au bout de ma vie notre fil d'hyménée.

**409. Cho bỏ lúc xa sầu cách nhớ,
Giữ gìn nhau vui thuở thanh bình.
Ngâm nga mong gởi chữ tình,
Đường này âu hẳn tài lành trượng phu!**

Cela compensera les dures privations
Que nous a imposées notre séparation.
Dans mon espoir de paix et de sérénité,
Je fais cette élégie pleine de mon amour,
Qu'un homme tel que vous comprendra, j'en suis sûre.

Notes:

Texte français: Ngọc Yến & Thùy Dương
Texte vietnamien: Lê Văn Đặng
Corrections: Đặng Thế Kiệt
Lê Văn Đặng

Ouvrages consultés:

- Femme de Guerrier, par Huỳnh Khắc Dụng, B.S.E.I., N.S. Tome XXX, N° 3, 3^e trim. 1955 [texte original d' Alexandre Lê, photocopie par Đặng Thế Kiệt].
- Chinh Phụ Ngâm Khúc, par Vân Bình Tôn Thất Lương, Saigon, Tân Việt 1950.